NGUYỄN DỤC QUANG

MODULE THPT 39

PHỐI HỢP GIỮA GIÁO VIÊN VỚI GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG TRONG CÔNG TÁC GIÁO DỤC HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Một trong những nguyên tắc giáo dục quan trọng là sự phối kết hợp giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng trong quá trình giáo dục học sinh. Trong bối cảnh hiện nay, cộng đồng có vai trò quan trọng tạo nên sự kết nối giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong sự nghiệp đào tạo bồi dưỡng thế hệ trẻ. Trong mối quan hệ này, gia đình có vai trò rất quan trọng, là điểm tựa chủ yếu cho sự kết hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Hơn bao giờ hết giáo dục gia đình trở nên rất quan trọng trong quá trình giáo dục học sinh, nhất là khi mà đất nước đang có những biến động lớn cả về kinh tế, chính trị và văn hoá xã hội. Tuy nhiên, giáo dục gia đình không thể đơn thương độc mã, mà cần phải có sự phối hợp với giáo dục nhà trường và giáo dục của cộng đồng. Cộng đồng giữ vai trò như cầu nối giữa giáo dục nhà trường và giáo dục gia đình. Cần phải hiểu cộng đồng theo những ngoại diên khác nhau. Cộng đồng rộng lớn của cả xã hội, của một dân tộc. Đó là cộng đồng của dân tộc Việt Nam, của 54 dân tộc anh em cùng sống chung trên một mảnh đất hình chữ S màu mỡ và tươi đẹp. Cộng đồng rộng lớn đó với biết bao những đặc điểm và truyền thống quý báu mà những người lớn phải có trách nhiệm truyền lại cho thế hệ mai sau. Truyền thống của một dân tộc phải trải qua quá trình lâu dài gian khổ dựng nước và giữ nước mới có được. Vì vậy gìn giữ nó đã khó nhưng để phát huy nó lại càng khó hơn.

Cộng đồng của một vùng, một khu vực, của một làng xã phố phường cũng mang theo những đặc điểm riêng của nó. Tùy thuộc vào những nét văn hoá vùng miền, làng xã mà cộng đồng ở đó có những yêu cầu riêng, những quy tắc riêng không giống nhau được.

Cộng đồng xã hội, dân cư, thôn xóm, làng bản, phố phường nơi học sinh sinh ra và lớn lên có ý nghĩa quan trọng đối với việc tham gia vào công tác giáo dục để hình thành nhân cách cho các em. Tại đây, những mối quan hệ thân tộc, bạn bè, tình làng nghĩa xóm được nảy nở. Đây chính là nơi hun đúc tình yêu quê hương, đất nước; là môi trường xã hội trực tiếp khẳng định, đánh giá vị thế của mỗi cá nhân học sinh trong quan hệ gia đình và rộng hơn là quan hệ xã hội. Sự liên kết giữa gia đình và cộng

đồng, địa phương, khu vực trong việc quản lí và giáo dục học sinh trên nhiều góc độ như giáo dục văn hoá, truyền thống lịch sử địa phương, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, thuần phong mĩ tục, tập quán... tạo thành nền móng cho sự tự khẳng định mình, cho sự tiếp nhận những mối quan hệ xã hội sau này của học sinh có được bản lĩnh, cốt cách của một con người – cá nhân – cộng đồng – xã hội.

Cộng đồng dân cư là nơi gắn bó với nhau giữa các gia đình theo nghĩa "tắt lửa tối đèn có nhau". Vì vậy phải làm cho học sinh yêu quý cái cộng đồng, muốn đóng góp cùng cộng đồng để xây dựng cuộc sống đầm ấm giữa các gia đình.

Muốn sự phối hợp giữa giáo dục trong nhà trường với gia đình và giáo dục cộng đồng có hiệu quả, cần phải xây dựng kế hoạch một cách rõ ràng và cụ thể, cần phải bàn bạc trao đổi giữa gia đình và cộng đồng dân cư để cùng nhau đưa ra những biện pháp giáo dục con em có hiệu quả. Hơn nữa, lứa tuổi học sinh THPT là tuổi mà định hình nhân cách khá rõ, tuổi của những hoài bão và ước mơ cao đẹp thì càng cần có sự giáo dục đúng đắn để các em có thể định hướng đi cho bản thân một cách rõ ràng.

Vì vậy, module này sẽ chỉ ra cách thức xây dựng kế hoạch phối hợp nhằm giúp giáo viên nắm được nội dung phối hợp, các biện pháp tăng cường sự phối hợp và những điều kiện cho sự phối hợp với gia đình học sinh và cộng đồng trong công tác giáo dục học sinh THPT.

Module THPT 39 bao gồm những nội dung cụ thể sau đây:

1. Phân tích ý nghĩa và mục tiêu của sự phối hợp với gia đình và cộng đồng trong công tác giáo dục học sinh THPT.
2. Xây dựng nội dung và hình thức phối hợp với gia đình và cộng đồng xã hội trong công tác giáo dục học sinh THPT.
3. Thiết kế kế hoạch phối hợp với gia đình và cộng đồng trong công tác giáo dục học sinh THPT.
4. Đề xuất một số biện pháp tăng cường sự phối hợp với phụ huynh học sinh và cộng đồng trong công tác giáo dục học sinh THPT.
5. Hoạt động tổng kết.

B. MỤC TIÊU

I. MỤC TIÊU CHUNG

Module THPT 39 giúp giáo viên hình thành kĩ năng xây dựng kế hoạch phối hợp giữa giáo viên với gia đình và cộng đồng trong công tác giáo dục học sinh THPT. Trên cơ sở đó, giáo viên sẽ lập được kế hoạch phối hợp giáo dục trong năm học một cách thiết thực, phù hợp với thực tiễn giáo dục của nhà trường và cộng đồng.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Kiến thức

– Xác định rõ vai trò, mục tiêu, nội dung phối hợp giữa giáo viên với gia đình và cộng đồng trong công tác giáo dục học sinh THPT.

– Đề xuất được biện pháp tăng cường sự phối hợp của phụ huynh và cộng đồng trong hoạt động giáo dục học sinh THPT.

2. Kĩ năng

– Biết lập kế hoạch phối hợp với gia đình và cộng đồng trong công tác giáo dục học sinh THPT.

– Có kĩ năng thực hiện bản kế hoạch đã xây dựng nhằm đảm bảo mục tiêu của module.

3. Thái độ

– Thể hiện lòng nhiệt tình, tính sáng tạo và sự chủ động trong việc xây dựng kế hoạch phối hợp giáo dục.

– Sẵn sàng giúp đỡ và phối hợp cùng đồng nghiệp thực hiện kế hoạch phối hợp nhằm giáo dục học sinh THPT.

C. NỘI DUNG

Nội dung 1

Ý NGHĨA VÀ MỤC TIÊU CỦA SỰ PHỐI HỢP GIỮA GIÁO VIÊN VỚI GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG TRONG CÔNG TÁC GIÁO DỤC HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Đây là module tự học nên học viên dựa vào những gợi ý dưới đây để thực hiện các bài tập hoặc các hoạt động tự học có trong nội dung 1. Module gồm có phần bài tập tự làm của học viên và phần thông tin phản hồi cho các bài tập đó. Trên cơ sở tự học, học viên làm tất cả những bài tập đặt ra trong module này, sau đó đối chiếu với những thông tin phản hồi để kiểm tra lại phần viết của mình.

Hoạt động 1: Tìm hiểu ý nghĩa của sự phối hợp giữa giáo viên với gia đình và cộng đồng trong công tác giáo dục học sinh THPT.

1. Nhiệm vụ

– Hãy nêu ý nghĩa của sự phối hợp giữa giáo viên với gia đình và cộng đồng trong công tác giáo dục học sinh THPT.

– Học viên chia sẻ và trao đổi với đồng nghiệp để đánh giá kết quả trả lời của bản thân (sử dụng kĩ thuật: Suy nghĩ – cặp đôi – chia sẻ); đồng thời đối chiếu với thông tin phản hồi để xác định mức độ đạt được của bản thân.

2. Thông tin phản hồi

Ý nghĩa của sự phối hợp giữa giáo viên với gia đình và cộng đồng trong công tác giáo dục học sinh THPT:

Thực hiện tốt sự phối hợp này sẽ: tạo nên sự gắn kết chặt chẽ giữa gia đình và cộng đồng, xây dựng được sự cảm thông chia sẻ của cộng đồng với gia đình, đồng thời mỗi bên đều nhận thấy trách nhiệm của mình trong sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ. Sự phối hợp tạo nên môi trường giáo dục thống nhất từ mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục đến phương pháp và hình thức giáo dục giáo viên với gia đình và cộng đồng. Mỗi bên sẽ nắm bắt được những diễn biến trong sự phát triển nhân cách của học sinh THPT.

Từ đó giúp cho giáo viên với gia đình, cộng đồng bổ sung những biện pháp giáo dục cụ thể lẫn nhau, đồng thời mang lại tình cảm thân thiện, tạo nên môi trường giáo dục tích cực. Gia đình cũng sẽ có điều kiện xích gần với cộng đồng hơn, coi cộng đồng như là một người bạn đồng hành gần gũi trong quá trình giáo dục học sinh.

Hoạt động 2: Xác định mục tiêu của sự phối hợp giữa giáo viên với gia đình và cộng đồng xã hội trong công tác giáo dục học sinh THPT.

1. Nhiệm vụ

– Sử dụng kĩ thuật "Viết trong 1 phút", học viên tự viết những nét chính về mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của sự phối hợp giữa giáo viên với gia đình và cộng đồng trong công tác giáo dục học sinh THPT.

– Sau khi viết xong có thể trao đổi với đồng nghiệp để hoàn thiện nhiệm vụ.

2. Thông tin phản hồi

Mục tiêu của sự phối hợp giữa giáo viên với gia đình và cộng đồng trong công tác giáo dục học sinh THPT:

– Thống nhất về sự cần thiết của sự phối hợp nhằm giáo dục học sinh THPT trong những điều kiện sống hiện nay. Xã hội ngày càng phát triển theo định hướng XHCN, càng có nhiều những thay đổi to lớn cả trong kinh tế lẫn các mặt đời sống chính trị – xã hội. Bên cạnh những mặt tích cực, còn tồn tại những tiêu cực có ảnh hưởng xấu đến thế hệ trẻ, trong đó có học sinh THPT. Nó đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng giáo dục trong công tác giáo dục học sinh, mà trong đó nhà trường giữ vai trò chủ đạo. Sự nhận thức đầy đủ về sự phối hợp này là yêu cầu cần thiết đối với các lượng giáo dục. Do đó người giáo viên phải làm sao cho giữa gia đình và cộng đồng xã hội có sự thống nhất cao về sự cần thiết phải phối hợp giáo dục học sinh THPT trong bối cảnh hiện nay có nhiều biến động.

– Chỉ ra được những nội dung phối hợp và trách nhiệm của từng bên tham gia vào sự phối hợp đó. Điểm rất quan trọng là phải chỉ ra được những nội dung chủ yếu của sự phối hợp giữa gia đình và cộng đồng xã hội. Nội dung phải thiết thực, gắn chặt với tình hình địa phương, với những đặc điểm của học sinh khu vực mình.

– Biết cách thực hiện sự phối hợp có hiệu quả nhất. Để làm được điều đó, cần xác định rõ trách nhiệm cho từng phía, đồng thời nêu lên cách liên kết với nhau để thực hiện nhiệm vụ và nội dung đã đề ra. Sự phối hợp chỉ có hiệu quả khi cả hai cùng biết lắng nghe nhau, cùng hiểu rõ những mặt mạnh cũng như những hạn chế của nhau để cùng tìm các giải pháp khắc phục.

– Phát huy được sức mạnh của từng lực lượng giáo dục, tạo nên sự liên kết chặt chẽ trong giáo dục học sinh THPT. Mỗi lực lượng giáo dục có những sức mạnh riêng. Vì vậy cần phải biết phát huy sức mạnh của mỗi bên để tạo nên sức mạnh chung trong sự phối hợp này.

Đây là những mục tiêu cơ bản để từ đó giáo viên xây dựng nội dung và lập kế hoạch phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và cộng đồng xã hội nhằm đưa công tác giáo dục học sinh THPT đi vào quỹ đạo vững bền.

ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG 1

Học viên tự đánh giá theo các câu hỏi sau đây:

– *Đây có phải là bài tập gây hứng thú cho anh/chị không? Vì sao?*

– *Bài tập này có quá khó không? Liệu có thể tìm đọc tài liệu tham khảo cho việc viết bài tập này từ đâu?*

– *Vì sao phải tìm hiểu vai trò của sự phối hợp này?*

– *Vì sao phải xác định mục tiêu của sự phối hợp này?*

Nội dung 2

XÂY DỰNG NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC PHỐI HỢP GIỮA GIÁO VIÊN VỚI ĐỒNG NGHIỆP, GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG TRONG CÔNG TÁC GIÁO DỤC HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Hoạt động 1: Trao đổi với đồng nghiệp và gia đình học sinh trong công tác giáo dục học sinh THPT.

1. Nhiệm vụ

Trước khi bắt tay xây dựng nội dung và hình thức phối hợp, học viên cần trao đổi với đồng nghiệp và với gia đình học sinh để có thêm những

thông tin cần thiết giúp cho việc xây dựng nội dung thiết thực và hình thức phối hợp mang tính khả thi và thiết thực hơn.

– Đối với đồng nghiệp: Có thể tranh thủ vào các tiết nghỉ giữa giờ hoặc những giờ trống tiết hay trong những cuộc họp hội đồng sư phạm nhà trường để trao đổi kinh nghiệm xây dựng nội dung và hình thức phối hợp.

– Đối với gia đình học sinh: Có thể thông qua các cuộc thăm hỏi gia đình học sinh; trong những cuộc họp phụ huynh học sinh vào đầu năm học, cuối học kì I và cuối năm học; hoặc trong các cuộc họp với ban đại diện phụ huynh học sinh.

2. Thông tin phản hồi

* Khi trao đổi với đồng nghiệp hay với gia đình học sinh, giáo viên cần phải đáp ứng những yêu cầu sau:

– Thực sự cầu thị, biết lắng nghe những ý kiến trao đổi từ phía các đối tượng mà mình giao tiếp.

– Biết cách phân tích và tổng hợp các thông tin thu được từ các đối tượng giao tiếp.

– Biết chọn lọc các thông tin từ họ để chuẩn bị cho việc viết nội dung và hình thức phối hợp, đảm bảo phù hợp với đối tượng học sinh lớp mình.

– Lập kế hoạch thời gian cho việc xây dựng nội dung và hình thức phối hợp sao cho vừa thỏa mãn yêu cầu của việc tự học, đồng thời không gây ảnh hưởng đến công tác hàng ngày của bản thân.

* Gợi ý những nội dung cần trao đổi:

– Đối với đồng nghiệp: họ đã làm những nội dung phối hợp nào? Khi xây dựng nội dung phối hợp cần căn cứ vào những điều kiện gì? Có phải xây dựng nội dung phối hợp cho cả năm học hay cho từng học kì để sau khi kết thúc học kì đó sẽ rút kinh nghiệm cho việc xây dựng nội dung phối hợp của học kì tiếp theo? Những nội dung nào là quan trọng? Vì sao?

– Đối với phụ huynh học sinh: xin ý kiến tư vấn về những nội dung phối hợp mà họ nhận thấy cần phải có trong kế hoạch phối hợp giáo dục; tìm hiểu những điểm mạnh của họ để đưa vào trong kế hoạch phối hợp của mình.

Hoạt động 2: Xây dựng nội dung và hình thức phối hợp giữa giáo viên với gia đình và cộng đồng trong công tác giáo dục học sinh THPT.

1. Nhiệm vụ

– Học viên là người chủ động xây dựng nội dung và hình thức phối hợp sau khi đã có thêm những thông tin từ việc trao đổi trước đó; sau đó trao đổi với gia đình học sinh và cộng đồng dân cư mà ở đây là tổ dân phố, cụm dân cư làng xã.

– Bằng kinh nghiệm công tác của mình, kết hợp những thông tin đã thu được từ hoạt động 1, học viên suy nghĩ và tự mình viết ra những nội dung và hình thức phối hợp cần thiết. Yêu cầu của hoạt động này là học viên phải hệ thống hoá được những nội dung và hình thức phối hợp phù hợp với đặc điểm của gia đình, cộng đồng xã hội, khu vực, địa phương.

– Từ những nội dung và hình thức đã làm, suy nghĩ và xây dựng thêm những nội dung và hình thức mới cập nhật với tình hình mới, mang lại hiệu quả giáo dục cao hơn.

2. Thông tin phản hồi

Nội dung và hình thức phối hợp giữa giáo viên với gia đình và cộng đồng trong công tác giáo dục học sinh THPT được thể hiện như sau:

* Giáo dục học sinh qua các hoạt động văn hoá xã hội tại địa phương nhằm thu hút học sinh tham gia vào hoạt động lành mạnh, tránh bị cám dỗ bởi những hiện tượng tiêu cực bên ngoài xã hội.

– Nội dung của hoạt động văn hoá xã hội bao gồm: ca ngợi tình yêu quê hương đất nước, truyền thống lịch sử của địa phương, vẻ đẹp của quê hương, những thành tựu trong phát triển kinh tế – xã hội của quê hương, gương tốt của cộng đồng, nhất là gương của những thanh niên tiêu biểu, gương sáng đảng viên, gương sáng đoàn viên; các phong trào thi đua của địa phương, các kì bầu cử Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp; phòng chống các tệ nạn xã hội, tai nạn thương tích... Giáo dục những học sinh có vấn đề ở địa phương như: nghiện hút, hay gây gổ đánh chửi nhau, trộm cắp tài sản của dân, vi phạm luật lệ an toàn giao thông, thiếu ý thức bảo vệ môi trường...

Với nội dung trên, giáo viên là người cụ thể hoá và hướng dẫn gia đình cùng cộng đồng tổ chức hoạt động cho học sinh, chỉ ra cho họ thấy được những nội dung nào là chủ yếu để phối hợp. Gia đình và cộng đồng hơn ai hết là những người biết rõ các hoạt động văn hoá của địa phương. Vì vậy, họ cần chủ động giúp giáo viên xác định và lựa chọn các hình thức hoạt động phù hợp với đặc điểm và điều kiện tổ chức ở địa phương, với bản sắc văn hoá của quê hương.

– Từ nội dung trên, có thể có những hình thức tổ chức sau:

+ Tổ chức lễ kỉ niệm các ngày lịch sử của đất nước, của địa phương; các hình thức văn hoá nghệ thuật, thể dục thể thao; các cuộc thi theo chủ đề; tổ chức đêm thơ ca ngợi vẻ đẹp của quê hương đất nước; biểu diễn văn nghệ…

+ Tổ chức tuyên truyền cổ động nhân dịp các phong trào thi đua của địa phương, các kì bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, phòng chống các tệ nạn xã hội, tai nạn thương tích, phong trào thi đua bảo vệ môi trường, an toàn giao thông ở địa phương…

+ Tổ chức thăm hỏi những gia đình có hoàn cảnh khó khăn không đủ điều kiện cho con ăn học để thấu hiểu hoàn cảnh gia đình và tìm biện pháp giúp đỡ, cùng chia sẻ những khó khăn vất vả của cuộc sống hàng ngày; giúp đỡ đồng bào vùng bị thiên tai, lũ lụt; những cụ già neo đơn không nơi nương tựa, trẻ em nghèo khuyết tật, trại xã hội… Từ đó tổ chức quyên góp theo truyền thống "lá lành đùm lá rách", tạo cho học sinh tình thương yêu đồng loại.

– Sinh hoạt câu lạc bộ "Thanh niên tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng" với những hình thức hoạt động phong phú và đa dạng thu hút thanh niên học sinh tham gia như câu lạc bộ "thơ văn", câu lạc bộ "văn hoá nghệ thuật", câu lạc bộ "thể dục thể thao"…

* Nắm bắt về tình cảm, tâm tư, nguyện vọng của học sinh để có định hướng trong việc điều chỉnh và giáo dục các em cho phù hợp…

– Trung học phổ thông (THPT) là cấp học cuối cùng của giáo dục phổ thông có trách nhiệm hoàn thành việc đào tạo lứa tuổi học sinh phổ thông. Đây là cấp học vừa trực tiếp tạo nguồn cho bậc cao đẳng, đại học nói riêng, vừa góp phần quan trọng vào việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nói chung.

Lứa tuổi học sinh THPT ngày nay có nhiều biến đổi mạnh mẽ cả về nhận thức, thái độ và thể hiện trong tình cảm, hành vi đối với bản thân, với mọi người trong xã hội, với công việc và rèn luyện hàng ngày. Đặc điểm chung và nổi bật về tình cảm của thanh niên học sinh là rất phong phú, sâu sắc, có cơ sở lí tính khá vững chắc. Trong đời sống của các em, tình cảm luôn gắn liền với lí trí. Phần đông các em rất năng động, có kiến thức, sống có hoài bão.

Giáo viên là người chủ yếu nắm bắt đặc điểm tâm lí của học sinh bởi họ có kiến thức sư phạm, nghiệp vụ sư phạm. Nhưng đồng thời giáo viên phải kết hợp với gia đình để lắng nghe những phản ánh từ gia đình về con em mình. Cộng đồng là bộ phận tham gia đóng góp ý kiến bổ sung để giúp giáo viên hiểu biết hơn về học sinh của mình.

– Với nội dung này sẽ có các hình thức tổ chức sau: thông qua các cuộc viếng thăm gia đình học sinh; trong những cuộc họp phụ huynh học sinh vào đầu năm học, cuối học kì I và cuối năm học hoặc trong các cuộc họp với ban đại diện phụ huynh học sinh.

* Giáo dục hành vi văn hoá và rèn kĩ năng sống cho học sinh THPT:

Thanh niên đang phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc lựa chọn những giá trị mới vừa phù hợp với truyền thống của dân tộc vừa đáp ứng xu hướng phát triển của xã hội hiện đại, nhất là việc lựa chọn hành vi ứng xử trong cuộc sống, trong học tập, công tác và các mối quan hệ xã hội. Ứng xử như thế nào để được coi là người có văn hoá và làm thế nào để hướng giới trẻ tới ứng xử có văn hoá? Đây là vấn đề cấp thiết đặt ra, đòi hỏi chúng ta cần có sự nhìn nhận nghiêm túc và khách quan.

– Ứng xử là một biểu hiện của giao tiếp, là sự phản ứng của con người trước sự tác động của người khác với mình trong một tình huống nhất định được thể hiện qua thái độ, hành vi, cử chỉ và cách nói năng của cá nhân với những người xung quanh. Hành vi ứng xử có văn hoá là những biểu hiện hoạt động bên ngoài của con người, được thể hiện ở lối sống, nếp sống, suy nghĩ và cách ứng xử của con người đối với bản thân; với những người xung quanh; trong công việc và trong môi trường hoạt động hàng ngày. Tuy nhiên, hành vi ứng xử có văn hoá của mỗi cá nhân lại

khác nhau nó được hình thành qua quá trình học tập, rèn luyện và trưởng thành của mỗi cá nhân trong xã hội. Hành vi ứng xử có văn hoá của tuổi trẻ được coi là các giá trị văn hoá, đạo đức, thẩm mĩ của mỗi cá nhân được thể hiện thông qua thái độ, hành vi, cử chỉ, lời nói của mỗi cá nhân đó. Nó được biểu hiện trong mối quan hệ với những người xung quanh, trong học tập, công tác, với bạn bè cùng trang lứa và thậm chí ngay cả với chính bản thân họ.

Về hành vi ứng xử có văn hoá của thế hệ trẻ hiện nay, có nhiều ý kiến khác nhau. Bên cạnh những biểu hiện của hành vi ứng xử có văn hoá, hiện nay vẫn còn một bộ phận trong giới trẻ có những hành vi ứng xử thiếu văn hoá. Những em này thường không có ý chí phấn đấu, sống buông thả, sa đà vào các tệ nạn xã hội như: cờ bạc, rượu chè, ma túy, mại dâm... Đây hoàn toàn là những biểu hiện của nếp sống xa lạ, sai trái, đi ngược với truyền thống văn hoá của dân tộc. Hiện tượng các bạn trẻ, trong đó có học sinh THPT văng tục, chửi thề, ngang nhiên vi phạm luật lệ giao thông, có thái độ không đúng với người già, hành động thiếu văn hoá nơi công cộng... còn khá phổ biến.

Vì vậy, trong bối cảnh hiện nay chúng ta cần có sự nhìn nhận nghiêm túc về vấn đề này. Việc giáo dục hành vi ứng xử có văn hoá cho thế hệ trẻ cần được quan tâm đúng mức. Chúng ta cần có những hình thức, biện pháp thích hợp để nhân rộng, tuyên dương những hành vi ứng xử đẹp tuân theo các chuẩn mực xã hội, vừa phù hợp với văn hoá, đạo đức truyền thống của Việt Nam, vừa phù hợp với các chuẩn mực của xã hội hiện đại.

– Kĩ năng sống là các kĩ năng thiết thực mà người ta cần để có cuộc sống an toàn, khỏe mạnh và hiệu quả. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO, 2003) thì kĩ năng sống là các khả năng để có hành vi thích ứng (adaptive), giúp các cá nhân có thể ứng xử hiệu quả trước các nhu cầu và thách thức của cuộc sống hằng ngày. Kĩ năng sống là những kĩ năng mang tính tâm lí xã hội và kĩ năng về giao tiếp được vận dụng trong những tình huống hằng ngày để tương tác một cách hiệu quả với người khác và giải quyết có hiệu quả những vấn đề, những tình huống của cuộc sống hằng ngày. Còn theo UNICEF thì kĩ năng sống là tiếp cận giúp thay đổi hoặc hình thành hành vi mới, tiếp cận này lưu ý đến sự cân bằng về tiếp thu kiến thức, hình thành thái độ và kĩ năng.

Theo quan điểm của UNESCO, kĩ năng sống là năng lực cá nhân để thực hiện đầy đủ các chức năng và tham gia vào cuộc sống hằng ngày (UNESCO Hà Nội, 2003). Kĩ năng sống là những kĩ năng tâm lí xã hội liên quan đến tri thức, những giá trị và những thái độ. Bốn trụ cột trong giáo dục là một cách tiếp cận kĩ năng sống. Đó chính là sự kết hợp các kĩ năng tâm lí xã hội (Học để biết là kĩ năng liên quan đến tri thức; Học để làm liên quan đến kĩ năng thực hành; Học để cùng chung sống là kĩ năng liên quan đến thái độ; Học để tự khẳng định mình là kĩ năng liên quan đến giá trị).

Như vậy, quan niệm cho rằng kĩ năng sống là năng lực để thực hiện đầy đủ các chức năng và tham gia vào cuộc sống hằng ngày có nội hàm rộng hơn vì nó sẽ bao gồm cả những kĩ năng cơ bản như: kĩ năng đọc, viết, làm tính... Còn quan niệm kĩ năng sống là những kĩ năng mang tính tâm lí xã hội giúp giải quyết có hiệu quả những tình huống trong cuộc sống... có nội hàm hẹp hơn, nhưng là những kĩ năng phức tạp hơn đòi hỏi sự tổng hợp các yếu tố kiến thức, thái độ và hành vi. Kĩ năng sống vừa mang tính cá nhân vừa mang tính xã hội: mang tính cá nhân vì đó là năng lực của cá nhân, mang tính xã hội vì trong mỗi một giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội, ở mỗi vùng miền lại đòi hỏi mỗi cá nhân có những kĩ năng sống thích hợp. Khái niệm kĩ năng sống được hiểu theo nhiều cách khác nhau ở từng quốc gia. Ở một số nơi, kĩ năng sống được hướng vào giáo dục vệ sinh, dinh dưỡng và phòng bệnh. Ở một số nơi khác, nó nhằm vào việc giáo dục hành vi, cách cư xử, giáo dục an toàn trên đường phố, giáo dục bảo vệ môi trường, hay giáo dục lòng yêu hòa bình.

Mỗi kĩ năng sống đều có một vị thế quan trọng trong việc hình thành nhân cách thế hệ trẻ. Có thể hiểu nội dung của một kĩ năng sống cần thiết trong quá trình giáo dục học sinh như sau:

+ Kĩ năng tự nhận thức: Sự tự nhận thức được năng lực của bản thân và vị trí của mình trong tập thể sẽ giúp cho mỗi cá nhân học sinh tạo lập cho mình cuộc sống phù hợp với khả năng, điều kiện của chính mình; nhận biết và hiểu rõ bản thân về những mặt mạnh và mặt yếu của mình để có thể tự đánh giá về mình, tránh được những hành động xốc nổi, thiếu tính thực tiễn.
+ Kĩ năng xác định giá trị: nếu xác định giá trị đúng sẽ giúp học sinh chọn được hướng đi và giải pháp phù hợp trong các tình huống gay cấn của cuộc sống, tránh được những phản ứng tiêu cực nhất thời.

+ Kĩ năng giao tiếp: rèn luyện kĩ năng giao tiếp giúp học sinh biết chia sẻ những nguyện vọng, những ý tưởng, những băn khoăn trong cuộc sống của chính mình và của người khác.

+ Kĩ năng ra quyết định: trong cuộc sống hằng ngày ai cũng đều phải ra nhiều quyết định. Có những quyết định tương đối đơn giản, song có những quyết định phức tạp liên quan đến các mối quan hệ, đến tương lai của bản thân. Vì vậy học sinh cần nắm bắt quy trình, lựa chọn các giải pháp để đưa ra những quyết định phù hợp.

+ Kĩ năng đương đầu với các thách thức trong cuộc sống: Con người trong xã hội hiện đại phải chịu nhiều áp lực, ngay cả lứa tuổi học sinh. Rèn luyện kĩ năng ứng phó tích cực với các tình huống khẩn cấp thông qua các tình huống thực, tình huống giả định sẽ giúp các em chuẩn bị các yếu tố tâm lí để đón nhận, để xử trí một cách khôn ngoan khi cần thiết.

+ Kĩ năng kiên định: Đó là loại kĩ năng rất cần rèn luyện cho học sinh trong điều kiện sống phức tạp hiện nay. Rèn luyện kĩ năng kiên định giúp các em làm chủ được các yếu tố tâm lí, cảm xúc trong các tình huống cụ thể, đảm bảo sự cân bằng, dung hòa giữa quyền lợi/nhu cầu của bản thân với quyền lợi và nhu cầu của người khác, tránh được các vấn đề mà các em hay gặp phải là hiếu thắng, vị kỉ hoặc phục tùng, phụ thuộc.

+ Kĩ năng đặt mục tiêu: là khả năng của con người trong việc đề ra cái đích có thể thực hiện được cho một vấn đề nào đó của cuộc sống. Rèn luyện kĩ năng này giúp các em xác định được các mục tiêu một cách cụ thể và thực tế, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của bản thân.

Giáo dục kĩ năng sống là một trong những nội dung giáo dục của nhà trường hiện nay. Vì vậy, giáo viên hơn ai hết là người trực tiếp tiến hành giáo dục kĩ năng sống cho học sinh, đồng thời phối hợp cùng gia đình học sinh kiểm tra đánh giá mức độ đạt được các trình độ kĩ năng sống khác nhau ở học sinh.

* Giáo dục cho học sinh THPT về trách nhiệm công dân đối với cộng đồng nơi mình sinh sống, rèn luyện và giao lưu hằng ngày:

Đây là một nội dung giáo dục cần thiết cho học sinh THPT khi mà các em đang chuẩn bị trở thành những công dân đóng góp sức và trí tuệ cho sự phát triển của cộng đồng. Trước hết mỗi học sinh phải ý thức được vị

thể của bản thân mình trong cộng đồng, nơi mình đang sinh sống và hoạt động. Cần phải làm cho học sinh hiểu rằng mình phải có trách nhiệm với cộng đồng trong việc phát triển những giá trị tốt đẹp mà cộng đồng đã xây dựng. Do đó các em cần có thái độ tích cực đối với cộng đồng. Thái độ đó thể hiện ở sự cảm thông chia sẻ, ở sự quan tâm đến những người xung quanh, biết phân biệt rõ ràng đâu là hành vi tích cực và hành vi nào là tiêu cực, biết bày tỏ quan điểm của mình trong việc tìm ra những biện pháp hiệu quả nhằm làm cho cộng đồng phát triển bền vững.

Nội dung này liên quan nhiều đến cộng đồng dân cư, nơi học sinh sống và rèn luyện. Vì vậy, cộng đồng sẽ là người trực tiếp chỉ dẫn cho học sinh những yêu cầu của sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương, giúp các em xác định trách nhiệm công dân trong việc góp phần xây dựng quê hương. Mặt khác, họ cần kết hợp với gia đình và giáo viên để giáo dục trách nhiệm công dân cho học sinh thông qua việc dạy học ở nhà trường và rèn luyện ở gia đình.

* Giáo dục bảo vệ môi trường ở cộng đồng:

Giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh có thể thông qua con đường dạy học một số môn học có nhiều khả năng hơn cả, đồng thời qua các hoạt động ngoại khoá tại cộng đồng. Đây là một nội dung phối hợp cần thiết giữa nhà trường, mà trực tiếp là giáo viên, với gia đình và cộng đồng xã hội. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phát động phong trào thi đua "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực" trong các trường phổ thông giai đoạn 2008 – 2013. Nếu ở trong nhà trường, môi trường của học sinh gồm khuôn viên nhà trường với trường lớp, sân chơi, phòng thí nghiệm, vườn trường, các tiện nghi sinh hoạt, giảng dạy và học tập, mối quan hệ thân thiện giữa giáo viên với giáo viên, giữa giáo viên với học sinh, giữa học sinh với các nhân viên phục vụ nhà trường. Bảo vệ môi trường của học sinh phải được thể hiện trong nhận thức, hành động sáng tạo và tinh thần sẵn sàng tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.

– Ở cộng đồng, môi trường là tất cả những gì xung quanh các em. Từ nhà cửa, đường thôn ngõ xóm, đến hệ thống công trình công cộng, từ những di tích lịch sử đến những cảnh quan thiên nhiên ban tặng, từ các nguồn tài nguyên của thiên nhiên đến những nguồn tài nguyên do bàn tay con người tạo ra... đều là môi trường sống mà học sinh có nhiệm vụ chăm sóc và bảo vệ nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững của nó.

Giáo viên chỉ rõ cho học sinh biết về những nội dung giáo dục bảo vệ môi trường thông qua dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục. Từ đó giao nhiệm vụ cho học sinh thực hiện việc bảo vệ môi trường ở gia đình và cộng đồng. Giáo viên phối hợp với gia đình và cộng đồng trong việc kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện giáo dục bảo vệ môi trường của học sinh.

Nội dung 3

THIẾT KẾ KẾ HOẠCH PHỐI HỢP GIỮA GIÁO VIÊN VỚI GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG TRONG CÔNG TÁC GIÁO DỤC HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Hoạt động 1: Thiết kế kế hoạch phối hợp giữa giáo viên với gia đình và cộng đồng.

1. Nhiệm vụ

Học viên tự thiết kế bản kế hoạch phối hợp giáo dục giữa giáo viên với gia đình và cộng đồng để giáo dục học sinh theo mẫu sau đây:

Nội dung phối hợp	Các biện pháp phối hợp	Điều kiện để phối hợp	Thời gian phối hợp	Ghi chú

Trong mỗi cột cần ghi rõ và cụ thể để đảm bảo tính khả thi của bản kế hoạch. Cần đảm bảo sự tương ứng nội dung giữa các cột với nhau để tạo nên tính lôgic của nó.

2. Thông tin phản hồi

Bản kế hoạch phải thể hiện được những nội dung chi tiết sau đây:

– Về nội dung phối hợp:

Cần chỉ ra được những nội dung phối hợp cụ thể và thiết thực. Muốn vậy phải xuất phát từ thực tế tình hình học sinh xem các em yếu ở điểm nào, mặt tốt ở đâu, nguyên nhân nào gây nên những hạn chế đó, do từ phía gia đình hay từ chính bản thân học sinh...

– Về biện pháp phối hợp:

Đó là những biện pháp cụ thể, tránh chung chung và khó thực hiện. Đó có thể là biện pháp về nâng cao nhận thức cho gia đình và cộng đồng. Cộng đồng ở đây có nhiều loại đối tượng khác nhau, do đó biện pháp cũng phải đa dạng. Có biện pháp dành cho tổ trưởng dân phố (thôn, xóm), có biện pháp dành cho hàng xóm láng giềng, biện pháp cho các tổ chức xã hội ở địa phương... Đây là những biện pháp phối hợp, vì vậy cần chỉ ra cụ thể những nội dung phối hợp, nhiệm vụ của từng đối tượng tham gia vào sự phối hợp đó. Hoặc có những biện pháp thiên về mặt hành chính. Khi đó lại liên hệ với chính quyền địa phương hay các tổ chức xã hội để thực hiện bằng các văn bản có tính pháp lí của nhà nước. Chỉ có như vậy mới thực sự đem lại sự tin tưởng của gia đình, đồng thời tạo nên sự gắn bó thân thiện giữa gia đình với chính quyền địa phương.

– Về điều kiện để phối hợp:

Sự phối hợp chỉ có kết quả khi có những điều kiện cụ thể, tùy thuộc vào nội dung và biện pháp phối hợp. Điều kiện đó có thể là về vật chất như kinh phí, các phương tiện kĩ thuật, các phương tiện truyền thông đại chúng, các vật dụng cụ thể... Cũng có khi chỉ là điều kiện về mặt tinh thần như: sự ủng hộ của người dân, thái độ thân thiện của cộng đồng, sự quan tâm của mọi người dân trong cộng đồng trong việc chung sức chung lòng giáo dục học sinh, một buổi giao lưu văn nghệ trong cộng đồng cũng có thể là điều kiện về mặt tinh thần...

– Về thời gian để phối hợp:

Giáo viên phải rất linh hoạt bố trí thời gian phối hợp với gia đình và cộng đồng sao cho thuận lợi cho cả hai phía, không làm ảnh hưởng đến công việc của nhau.

Hoạt động 2: Trình bày kết quả thiết kế kế hoạch phối hợp giữa giáo viên với gia đình và cộng đồng tại nhóm học tập.

1. Nhiệm vụ

Sử dụng kĩ thuật hỏi chuyên gia: Học viên chuyển bản kế hoạch mà mình đã thiết kế cho từ 2 đến 3 đồng nghiệp để xin ý kiến của họ về nội dung phối hợp, biện pháp phối hợp, điều kiện để phối hợp, thời gian để phối hợp.

Sau đó họp nhóm đồng nghiệp để cùng nhau chia sẻ, đóng góp ý kiến bổ sung hoặc chỉnh sửa để bản kế hoạch mang tính khả thi hơn.

2. Thông tin phản hồi

Kế hoạch là tập hợp các mục tiêu có quan hệ chặt chẽ với nhau, thống nhất bởi mục tiêu chung và hệ thống những biện pháp được xây dựng trước cho một giai đoạn nhất định nhằm thực hiện nhiệm vụ giáo dục đã được xác định. Kế hoạch còn là chương trình hành động được xây dựng trên cơ sở những chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước về giáo dục, được vận dụng và thực hiện trong những điều kiện cụ thể, phù hợp với đặc điểm cụ thể.

Kế hoạch phối hợp giữa giáo viên với gia đình và cộng đồng trong công tác giáo dục học sinh THPT là một bộ phận của kế hoạch giáo dục chung của người giáo viên chủ nhiệm. Lập kế hoạch là vạch ra những cách tiếp cận hợp lí để đạt được các mục tiêu đã đề ra. Không có kế hoach thì giáo viên sẽ không chủ động được công tác của mình trong việc phối hợp giữa gia đình và cộng đồng, hiệu quả sẽ thấp. Lập kế hoạch phối hợp cho phép người giáo viên sẽ chủ động hơn trong việc thực hiện các mục tiêu giáo dục.

Lập kế hoạch là quyết định trước xem phải làm cái gì? Làm như thế nào? Khi nào làm? Những ai làm cái đó? Làm việc đó trong những điều kiện nào? Lập kế hoạch được hiểu là thiết kế trước bước đi cho hoạt động tương lai thông qua việc sử dụng và khai thác tối ưu nguồn nhân lực, vật lực để đạt được những mục tiêu xác định. Lập kế hoạch đòi hỏi phải có tri thức và kĩ năng tiến hành, xác định được đường lối và đưa ra các quyết định trên cơ sở các mục tiêu, sự hiểu biết cùng các đánh giá một cách thận trọng.

Kế hoạch là sự sáng tạo của người giáo viên, phản ánh khả năng xử lí thông tin, xác định mục tiêu, thiết kế và dự đoán các hoạt động đạt được mục tiêu này.

Thực tiễn cho thấy, kế hoạch dù được thiết kế một cách cẩn thận, có tính đến những tiền đề và những điều kiện nhất định, song không tránh khỏi những hạn chế do những biến động của thực tiễn đem lại. Do đó người giáo viên cần dựa vào các thông tin thu được, đối chiếu với mục tiêu để kịp thời điều chỉnh và hoàn thiện kế hoạch một cách linh hoạt sáng tạo nhằm thực hiện tốt những mục tiêu đã đề ra. Một giáo viên giỏi trong công tác giáo dục là người biết xây dựng kế hoạch, thực hiện theo kế hoạch và cũng biết điều chỉnh chúng nếu thấy cần thiết.

Đối với bản kế hoạch phối hợp giữa giáo viên với gia đình và cộng đồng dân cư, giáo viên là người xây dựng trên cơ sở của sự trao đổi thống nhất của các phía. Sau khi xây dựng xong bản kế hoạch, giáo viên cùng trao đổi với gia đình và cộng đồng dân cư với những đại diện cụ thể nhằm thống nhất về nội dung và cách thực hiện trong thực tế. Cần có bản cam kết giữa các bên để kế hoạch này được thực thi cụ thể.

Nội dung 4

BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG SỰ PHỐI HỢP GIỮA GIÁO VIÊN VỚI GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG TRONG CÔNG TÁC GIÁO DỤC HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Hoạt động 1: Làm bài tập cá nhân – Liệt kê các biện pháp phối hợp giữa giáo viên với gia đình và cộng đồng.

1. Nhiệm vụ

Học viên tự liệt kê các biện pháp phối hợp giữa giáo viên với gia đình và cộng đồng trong công tác giáo dục học sinh THPT trên cơ sở những kinh nghiệm mà bản thân đã tích lũy được qua những năm làm công tác chủ nhiệm lớp.

2. Thông tin phản hồi

Giáo dục là quá trình có tính xã hội, do đó có nhiều lực lượng tham gia. Mỗi lực lượng giáo dục đều có những vai trò và chức năng riêng. Vì thế giáo viên chủ nhiệm cần phải biết khai thác thế mạnh của các lực lượng đó, chủ động phối hợp tổ chức giáo dục học sinh có kết quả nhất.

Tăng cường sự phối hợp là làm cho nó phát triển hơn nữa và chất lượng hơn nữa sự phối hợp giữa gia đình và cộng đồng xã hội trong công tác giáo dục học sinh THPT. Tăng cường sự phối hợp đòi hỏi mỗi bên tham gia đều phải nỗ lực xích lại gần nhau để cùng thực hiện mục đích đã đề ra.

Một số biện pháp tăng cường sự phối hợp giữa giáo viên với phụ huynh học sinh và cộng đồng trong công tác giáo dục học sinh THPT như:

– Nâng cao nhận thức về sự cần thiết phải phối hợp giáo dục giữa gia đình và cộng đồng dân cư trong công tác giáo dục học sinh THPT.

– Lập kế hoạch giáo dục học sinh THPT ở cộng đồng dân cư. Khi lập kế hoạch, cần trao đổi cụ thể với những đại diện của cộng đồng dân cư như: tổ trưởng dân phố hay làng xã, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên... và với gia đình học sinh.

– Hình thành mạng lưới phối hợp giáo dục mà trong đó có đại diện phụ huynh học sinh và đại diện các tổ chức ở cộng đồng. Mạng lưới này có kế hoạch hoạt động cụ thể nhằm cung cấp những thông tin cụ thể về tình hình con em mình ở gia đình và cộng đồng, giúp cho việc thực hiện kế hoạch phối hợp đã được xây dựng đi tới thành công và hiệu quả.

– Thường xuyên nắm bắt tình hình học sinh qua mạng lưới phối hợp ở trên để từ đó tìm ra những biện pháp khả thi và hiệu quả nhất trong công tác giáo dục học sinh THPT.

– Sử dụng mạng lưới truyền thông của cộng đồng để tuyên truyền công tác giáo dục học sinh THPT, đáp ứng với yêu cầu của nhà trường và của địa phương, góp phần làm cho bộ mặt địa phương ngày càng phát triển tốt đẹp.

Hoạt động 2: Trao đổi với đồng nghiệp về các biện pháp phối hợp giữa giáo viên với gia đình và cộng đồng.

1. Nhiệm vụ

Trao đổi cùng đồng nghiệp về sự phù hợp và tính khả thi của các biện pháp do bản thân đề xuất và cách thực hiện các biện pháp này như thế nào là hợp lí.

2. Thông tin phản hồi

Khi trao đổi cùng đồng nghiệp, cần trình bày rõ mục tiêu, nội dung, cách thực hiện cùng những điều kiện thực hiện để họ góp ý cụ thể và xác đáng, giúp cho việc thực thi các biện pháp đề xuất có kết quả hơn. Đồng thời cũng nêu lên những khó khăn bất cập trong quá trình thực hiện sự phối hợp này.

Sau khi trao đổi xong, giáo viên cần xem lại những góp ý của đồng nghiệp để tiến hành chỉnh sửa và bổ sung kịp thời.

Nội dung 5

TỔNG KẾT MODULE

Học viên tự đề xuất các hình thức hoạt động để có thể bố trí cùng với lớp tiến hành các hoạt động tổng kết bài học, từ đó rút ra những kết luận bài học cho chính bản thân mình.

D. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ MODULE

1. CÂU HỎI KIỂM TRA

1) *Tại sao giáo viên chủ nhiệm cần phải phối hợp giữa gia đình và cộng đồng trong công tác giáo dục học sinh THPT?*

2) *Xác định những nội dung cần phối hợp giữa giáo viên với gia đình học sinh và cộng đồng.*

3) *Liệt kê những lực lượng xã hội ở cộng đồng cần phải phối hợp với giáo viên. Trong những lực lượng đó thì đối tượng nào là quan trọng hơn cả?*

4) *Có những phương pháp hay hình thức phối hợp nào giữa giáo viên chủ nhiệm với gia đình và cộng đồng mà thầy/cô thường sử dụng? Phương pháp nào là có hiệu quả hơn cả? Vì sao?*

5) *Mô tả một ví dụ về sự phối hợp này mà thầy/cô đã làm thành công trong thực tế công tác giáo dục học sinh THPT.*

6) *Xây dựng đề cương cho một cuộc làm việc với một đơn vị ở cộng đồng ở địa phương theo một nội dung giáo dục nào đó cho học sinh lớp mình làm chủ nhiệm.*

2. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào ý đúng trong các câu hỏi sau:

1) *Sự phối hợp giữa giáo viên với gia đình và cộng đồng trong công tác giáo dục học sinh THPT là:*

   a) Cần thiết.

   b) Có cũng được, không có cũng được.

   c) Không cần thiết.

2) *Sự phối hợp giữa giáo viên với gia đình và cộng đồng trong công tác giáo dục học sinh THPT là:*

   a) Rất thuận lợi.

   b) Không thuận lợi.

   c) Gặp nhiều khó khăn.

3) *Phối hợp với gia đình học sinh là:*

   a) Dễ dàng nhất.

   b) Cũng có khi gặp khó khăn.

   c) Không dễ dàng.

4) *Phối hợp với cộng đồng là:*

   a) Rất thuận lợi.

   b) Không thuận lợi.

E. PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. PHỐI HỢP VỚI GIA ĐÌNH HỌC SINH

* **Hình thành nhân cách cho HS là quá trình tổ chức hoạt động có mục đích có kế hoạch đến các mặt nhận thức, tình cảm và hành động ý chí của các em. Hiệu quả của quá trình tổ chức này phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó việc phối hợp với các bậc cha mẹ và thân nhân của gia đình**

học sinh là yếu tố cần được coi trọng. Bởi vì, gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi thân yêu nuôi dưỡng cả đời người, là môi trường quan trọng giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách. Đảm bảo sợi dây liên kết gắn bó giữa nhà trường với gia đình là một đảm bảo cho việc thực hiện tính liên tục và đồng bộ trong tổ chức hoạt động giáo dục, vừa là sự bù đắp những tác động giáo dục mà trong điều kiện của nhà trường khó có thể làm được.

* Nội dung xây dựng mối quan hệ với cha mẹ học sinh:

– Liên lạc với phụ huynh ngay khi năm học bắt đầu, có nghĩa là khi tiếp nhận danh sách học sinh của lớp là tiếp nhận luôn danh sách của cha mẹ hoặc người nuôi dưỡng học sinh.

– Có thể hình thành một bộ phận hồ sơ gửi cho mỗi phụ huynh học sinh để có thông tin như:

+ Tên họ, nghề nghiệp cha mẹ hoặc người nuôi dưỡng.

+ Địa chỉ gia đình.

+ Số điện thoại để liên lạc khi cần thiết.

+ Những đặc điểm cần chú ý khi giáo dục con em của mình mà gia đình thấy cần thiết đề nghị với giáo viên chủ nhiệm.

+ Có thể ghi chú thêm thời gian hay cách tốt nhất để liên lạc giữa giáo viên với gia đình khi cần thiết.

– Lập một danh sách số điện thoại chung của các gia đình HS gửi cho tất cả các giáo viên của lớp.

– Chuẩn bị đưa ra một danh sách những đồ dùng, những sách vở và dụng cụ cần thiết mà các em phải mang theo vào mỗi ngày đến lớp.

– Gửi thông báo cho cha mẹ hoặc người nuôi dưỡng biết về kế hoạch đại hội cha mẹ học sinh, kể cả nội dung và ngày giờ cụ thể. Có thể gợi ý những vấn đề cần thảo luận cũng như những mối quan tâm đặc biệt về việc học tập của con em mình.

Chương trình đại hội gồm có:

+ Tuyên bố lí do (có thể nhờ một giáo viên của lớp giúp đỡ hoặc chính giáo viên chủ nhiệm).

+ Giới thiệu đại biểu và những giáo viên dạy lớp (người tuyên bố lí do thực hiện).

+ Mỗi cha mẹ học sinh tự giới thiệu tên họ mình và tên họ con em.

+ Bài báo cáo chính của giáo viên chủ nhiệm với những nội dung chính như sau:

- Tóm tắt những nội dung chính của nhiệm vụ năm học mới mà Hiệu trưởng đã trình bày trong lễ khai giảng năm học. Tuy nhiên cần phải ngắn, cô đọng và có những nội dung thiết thực với lớp mình như phụ trách.
- Tóm tắt đặc điểm ban đầu của lớp như số học sinh giỏi, khá, trung bình (riêng số học sinh yếu kém thì để dành làm việc riêng với từng gia đình sau đó); số học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh cần sự trợ giúp của xã hội.
- Đưa ra yêu cầu gia đình học sinh cần tham gia để phục vụ cho việc học tốt của học sinh.
- Thảo luận chung về những việc cha mẹ học sinh cần phải tham gia trong suốt năm học.
- Giáo viên chủ nhiệm tổng kết phần thảo luận.
- Bầu trưởng ban đại diện của lớp: Các cha mẹ học sinh tự giới thiệu đối với khối 10. Đối với khối 11, 12 thì giáo viên chủ nhiệm cần tham khảo danh sách các ban đại diện cha mẹ học sinh năm học trước cùng với sự giới thiệu mới của các gia đình học sinh.
- Thảo luận.
- Chốt danh sách ứng cử viên:
- Bầu bằng cách giơ tay.
- Ban chấp hành bầu trưởng, phó ban.
- Ban chấp hành ra mắt.
- Những vấn đề về tài chính, hội phí… để ban đại diện điều hành.
- Giới thiệu và bầu đại biểu tham gia dự đại hội cấp trường và tham gia ban chấp hành (nếu có).

– Tuy có ban đại diện cha mẹ học sinh, nhưng giáo viên chủ nhiệm lớp vẫn thường xuyên liên hệ với gia đình (cha mẹ từng học sinh) khi cần thiết,

không nên để cho cha mẹ học sinh nghĩ sau đại hội là không còn sự liên lạc, mà phải thường xuyên và bằng một vài cách khác:

+ Qua viết thư tay.
+ Gặp gỡ trực tiếp.
+ Gửi phiếu liên lạc tuần, 2 tuần hoặc hàng tháng.
+ Trao đổi qua điện thoại.
+ Qua website của trường.
+ Qua E-mail, qua dịch vụ SMS.

Nội dung phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm lớp với gia đình HS được thể hiện cả về hai phía.

– Về phía giáo viên chủ nhiệm lớp:

+ Giúp các bậc cha mẹ hiểu biết về mục tiêu giáo dục của nhà trường, đặc điểm hoạt động giáo dục của trường học; một số kiến thức về tâm lí của học sinh trong lứa tuổi con em của họ; một số phương pháp tổ chức và giáo dục gia đình.
+ Kiện toàn tổ chức chi hội phụ huynh trong lớp (về nhân sự, về lịch trình và những quy định về hoạt động của hội).
+ Lập sổ liên lạc giữa nhà trường và gia đình, hướng dẫn cách sử dụng cho các bậc cha mẹ để thông tin thu được ở gia đình và nhà trường đảm bảo tính cụ thể, chính xác, cập nhật và thông suốt.
+ Xây dựng kế hoạch, nội dung về sự phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm và gia đình trong từng giai đoạn của năm học.
+ Thống nhất với gia đình về trách nhiệm giáo dục của gia đình đối với con em họ trong thời gian sinh hoạt ở nhà, chế độ thông báo tình hình của cả hai phía.
+ Đánh giá các kết quả đã đạt được của mỗi học sinh về học tập, tu dưỡng đạo đức, những ưu và nhược điểm, những vấn đề đặc biệt cần lưu ý để thông báo cho gia đình các em được biết.
+ Xác định các hình thức tổ chức phối hợp giữa nhà trường và gia đình (thông qua hội cha mẹ học sinh, gặp gỡ trực tiếp, liên lạc bằng thư từ, điện thoại, thông qua các tổ chức, cơ quan nơi cha mẹ học sinh công tác).

– Về phía gia đình học sinh:

+ Chủ động liên hệ với nhà trường, với giáo viên chủ nhiệm để tạo lập mối quan hệ thường xuyên trong công tác giáo dục con em mình, để giúp nhà trường nắm bắt tình hình hoạt động của các em trong thời gian sống với gia đình, ở địa phương.

+ Giúp đỡ giáo viên, đặc biệt là giáo viên chủ nhiệm lớp có con em mình học tập về tinh thần, vật chất và kinh nghiệm, chuyên môn tùy theo thế mạnh và điều kiện có thể có được của gia đình.

+ Kết hợp cùng với nhà trường tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

+ Thực hiện đúng kế hoạch giáo dục đã được thống nhất với nhà trường (hội họp, gặp gỡ trao đổi, ghi sổ liên kết giáo dục, thời điểm, biện pháp thực hiện các tác động giáo dục).

+ Xây dựng gia đình ổn định, hạnh phúc để tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động học tập và quá trình rèn luyện, tu dưỡng của con em họ khi tới trường.

Để việc phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm với cha mẹ học sinh đạt được hiệu quả mong muốn, người giáo viên chủ nhiệm phải thấu hiểu hoàn cảnh gia đình, nắm được phương pháp vận động quần chúng trong giáo dục, tạo được uy tín đối với phụ huynh học sinh, công tâm trong việc nhận xét, đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh do mình phụ trách.

PHỤ LỤC 2. PHỐI HỢP VỚI CÁC LỰC LƯỢNG XÃ HỘI

Tận dụng tiềm năng giáo dục trong trường và ngoài xã hội để đạt tới hiệu quả trong việc thực hiện giáo dục là một nhiệm vụ đặc trưng của người giáo viên chủ nhiệm lớp trong trường phổ thông. Giải quyết tốt nhiệm vụ này cũng chính là thực hiện xã hội hoá giáo dục, một trong những giải pháp trọng yếu thực hiện chiến lược phát triển giáo dục của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

Các tổ chức đoàn thể, cơ sở sản xuất ngoài trường có tác dụng lớn tới hoạt động giáo dục học sinh, nếu có được sự hợp tác thường xuyên và hợp lí với những tổ chức, cơ sở đó. Nhờ sự kết hợp này, nhận thức của học sinh về thực tiễn, xã hội trở nên sống động hơn, các em không chỉ

mắt thấy tai nghe, thực hiện sự kết hợp lí luận với thực tế mà còn được trực tiếp tham gia những dạng lao động sản xuất, nhờ đó mà luyện tư tưởng, đạo đức cũng như bước đầu thử nghiệm năng lực, hứng thú, sở thích của bản thân đối với các lĩnh vực nghề nghiệp dự định lựa chọn trong tương lai.

Cộng đồng xã hội, dân cư, thôn xóm, làng bản, phố phường nơi học sinh sinh ra và lớn lên giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách của các em. Tại đây, những mối quan hệ thân tộc, bạn bè, tình làng nghĩa xóm được nảy nở. Đây chính là nơi hun đúc tình yêu quê hương, đất nước, là môi trường xã hội trực tiếp khẳng định, đánh giá vị thế của mỗi cá nhân học sinh trong quan hệ gia đình và rộng hơn là quan hệ xã hội. Sự liên kết giữa nhà trường với cộng đồng, địa phương, khu vực trong việc quản lí và giáo dục học sinh trên nhiều góc độ như giáo dục văn hoá, truyền thống lịch sử địa phương, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, thuần phong mĩ tục, tập quán… tạo thành nền móng cho sự tự khẳng định mình, cho sự tiếp nhận những mối quan hệ xã hội sau này của học sinh có được bản lĩnh, cốt cách của một người – cá nhân – cộng đồng – xã hội.

Ngoài ra, thực hiện việc phát huy, tận dụng sức mạnh tổng hợp mọi nguồn lực xã hội để giáo dục học sinh, giáo viên chủ nhiệm cần liên kết với các lực lượng xã hội khác như các cơ quan hành pháp, quản lí xã hội (ủy ban nhân dân, công an, tòa án, viện kiểm sát, quân đội); các đoàn thể chính trị – xã hội (cấp ủy đảng địa phương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân…) các tổ chức đơn vị kinh tế – xã hội (quốc doanh, tập thể và tư nhân), các cơ quan chức năng xã hội khác (bệnh viện, các cơ quan đào tạo nghề nghiệp, các viện và trung tâm nghiên cứu…).

F. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Văn Hồng, *Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm*, NXB Giáo dục, 1998.
2. *Chuẩn nghề nghiệp giáo viên THCS, THPT* (Ban hành theo Thông tư số 30/2009/TT–BGDĐT ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
3. Nguyễn Dục Quang, *Bàn về năng lực giáo dục của người giáo viên chủ nhiệm lớp*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 63 tháng 12/2010.
4. Nguyễn Dục Quang (Chủ biên), *Tài liệu bồi dưỡng giáo viên thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 10 THPT – Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp*, NXB Giáo dục, 2006.
5. Nguyễn Dục Quang, *Giáo dục trẻ em vị thành niên*, NXB Giáo dục, 2007.
6. Nguyễn Dục Quang, *Về phương pháp hoạt động của người giáo viên chủ nhiệm ở trường phổ thông trung học*, Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, 1999.
7. Nguyễn Dục Quang, *Gia đình với việc phòng ngừa trẻ em vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội*, Tạp chí Giáo dục, 2004.
8. Nguyễn Dục Quang, *Định hướng giáo dục giá trị văn hoá truyền thống dân tộc cho học sinh*, Tạp chí Giáo dục, 2008.
9. Nguyễn Dục Quang, *Những tình huống giáo dục học sinh của người giáo viên chủ nhiệm lớp*, Nhà NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000.
10. Nguyễn Dục Quang và các tác giả, *Giáo dục hiểu biết các nền văn hoá*, Tài liệu hướng dẫn giáo viên, Văn phòng UNESCO Hà Nội, 2008.
11. Nguyễn Dục Quang và các tác giả, *Học để cùng chung sống*, Tài liệu tham khảo dùng cho giáo viên các cấp học phổ thông, Văn phòng UNESCO Hà Nội, 2006.
12. Hà Nhật Thăng, *Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông*, NXB Giáo dục, 2004.
13. Hà Nhật Thăng, *Sổ tay công tác chủ nhiệm lớp dành cho giáo viên Trung học cơ sở*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.
14. Mạc Văn Trang, *Sứ mệnh và vai trò của người giáo viên chủ nhiệm lớp*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 61 tháng 10/2010.